

Đơn vị: Trường THPT Mường Nhé

Chương: 422

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- THPTMN, ngày tháng 01 năm 2026 của trường THPT Mường Nhé)

Đơn vị: 1000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
2	Phí	
	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
2	Phí	
	Phí A	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	34,846,830.0

I	Nguồn Ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ.	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	34,846,830.0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	23,608,000.0
	- Trong đó đã bao gồm kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh lương.	134,200
	- Kinh phí tiết kiệm thêm 10% thực hiện bổ sung nguồn chi an sinh xã hội	134,200
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11,238,830
	- Quỹ tiền thưởng theo nghị định số 73/2024/NĐ-CP	618,830.0
	- Cấp bù học phí theo nghị định 81/2021/NĐ-Cp	156,000
	- Hỗ trợ chi phí học tập theo nghị định 238/2025/NĐ-CP	1,352,000
	- Hỗ trợ học sinh thôn, xã đặc biệt khó khăn theo nghị định số 66/2025/NĐ-CP	8,988,000
	- Hỗ trợ cho người khuyết tật theo TTLT số 42/2013/TTLT	85,000
	- Gia hạn phần mềm kế toán MiSa	10,000
	- Phần mềm quản lý tài sản	17,000
	- Phần mềm quản lý cán bộ	12,000